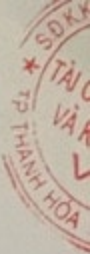


CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THANH HOÁ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đã được kiểm toán



Nội dung

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm 2016 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Thanh Hóa là một doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH một thành viên Sách và thiết bị trường học Thanh Hoá) theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập; hoạt động SXKD theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800230817 ngày 29/05/2009 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá (từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 11/11/2009), hoạt động theo luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ 10.500.000.000ĐỒNG

Trụ sở chính

- * Địa chỉ: Số 51 Đại lộ Lê Lợi, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- * Điện thoại: (84) 037.3852335
- * Fax: (84) 037.3752035

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản ấn phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm nhà nước cấm) (mã ngành 46497)
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phụ vụ sản xuất thiết bị giáo dục (mã ngành 464 465);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học, thiết bị văn phòng (mã ngành 465);
- Đào tạo và liên kết đào tạo (mã ngành 85322);
- Thi công xây dựng công trình dân dụng (mã ngành 410);
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (mã ngành 4932);
- Đại lý ký gửi hàng hóa (mã ngành 46101);
- Kinh doanh, xuất - nhập khẩu các loại sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Công ty
- Kinh doanh, xuất - nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm.

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thế Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014
Ông Lê Quý Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014
Ông Nguyễn Tiến Lương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2014
Bà Trương Thị Hiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2014
Bà Vũ Thị Ninh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2014

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Chương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Đình Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2014
Ông Hà Tiến Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 04 năm 2015

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Thế Sơn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014
----------------	----------	------------------------------------

Bà Trương Thị Hiền

P.Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014

Bà Vũ Thị Ninh

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2014

Kết quả hoạt động :

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là : 127.806.445 Đồng

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN là Công ty làm công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm 2016 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 02 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 02 năm 2017 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thanh Hóa tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thanh Hoá ngày 26 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY TNHH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VN (VNAAFC)



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Thị Tâm".

Hoàng Minh Tường
Giám đốc

Nguyễn Thị Tâm
Kiểm toán viên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mô số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A Tài sản ngắn hạn	100		31,775,934,904	36,492,698,281
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,619,254,191	4,959,371,808
1 Tiền	111	V.01	1,745,330,646	4,959,371,808
2 Các khoản tương đương tiền	112		873,923,545	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	328,086,000	1,794,033,942
1 Chứng khoán kinh doanh	121		1,011,327,515	2,647,377,897
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(683,241,515)	(853,343,955)
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,462,528,197	23,725,532,637
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		21,087,998,669	24,420,073,049
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		554,117,685	260,023,685
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1,155,448,842	433,171,170
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1,335,036,999)	(1,387,735,267)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý			-	-
V Hàng tồn kho	140		2,121,307,904	3,930,378,452
1 Hàng tồn kho	141	V.04	2,121,307,904	3,930,378,452
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5,244,758,612	2,083,381,442
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.05	107,423	20,523,187
4 Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		5,244,651,189	2,062,858,255
3 Tài sản dài hạn	200		8,673,414,777	9,574,419,411
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06	-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	-
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		5,998,104,986	6,407,741,963
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5,998,104,986	6,407,741,963
- Nguyên giá	222		8,560,083,676	8,560,083,676
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,561,978,690)	(2,152,341,713)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-

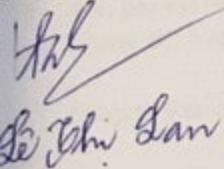
	Nguyên giá	225			
	Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.09		
	Nguyên giá	228			
	Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III	Bất động sản đầu tư	240	V.11		
	Nguyên giá	241			
	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
V	Tài sản dở dang dài hạn				
	Chi phí SXKD dở dang dài hạn				
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		V.10		
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
	Đầu tư vào công ty con	251			
	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12		
	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
	Tài sản dài hạn khác	260		2,675,309,791	3,166,677,448
	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	2,675,309,791	3,166,677,448
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
	Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263			
	Tài sản dài hạn khác	268			
	Tổng cộng tài sản	270		40,449,349,681	46,067,117,6

Nguồn vốn		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
				29,288,815,075	35,003,398,238
A	Nợ phải trả	300		27,788,815,075	30,753,398,238
I	Nợ ngắn hạn	310		13,921,969,922	17,227,220,171
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.15	271,703,115	106,751,268
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16,947,251	81,136,612
3	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	350,055,157	341,201,345
4	Phải trả người lao động	314		211,162,398	246,084,971
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	-	-
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			2,867,937,232	2,844,843,871
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10,200,000,000	9,930,000,000
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	-
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
2	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		(50,960,000)	(23,840,000)
3	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
I	Nợ dài hạn	330		1,500,000,000	4,250,000,000
1	Phải trả người bán dài hạn	331	V.20	-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.19	-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	1,500,000,000	4,250,000,000
9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.21	11,160,534,606	11,063,719,454
I	Vốn chủ sở hữu	410		11,160,534,606	11,063,719,454
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		10,500,000,000	10,500,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(68,648,000)	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		21,823,815	21,823,815
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		34,863,526	34,863,526

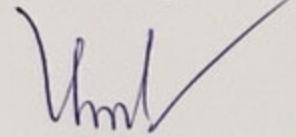
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	672,495,265	507,032,113
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	544,688,820	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	127,806,445	507,032,113
1 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
- Nguồn kinh phí	431 V.22	-	-
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
Tổng cộng nguồn vốn	440	40,449,349,681	46,067,117,692

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2017

Trưởng lập biểu

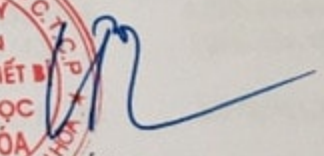

Lê Thị Lan

Kế toán trưởng


Vũ Thị Ninh



Giám đốc


Lê Thế Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.23	67,508,099,140	78,314,285,580
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	563,345,707	603,723,250
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66,944,753,433	77,710,562,330
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.25	60,136,171,027	70,857,178,695
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,808,582,406	6,853,383,635
6 Doanh thu hoạt động tài chính (*)	21	VI.24	1,739,163,086	221,201,389
7 Chi phí tài chính	22	VI.26	2,442,337,666	1,202,436,464
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		808,542,573	1,202,436,464
8 Chi phí bán hàng	24		1,493,778,706	1,373,961,277
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,470,417,896	4,409,069,971
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		141,211,224	89,117,312
11 Thu nhập khác	31	VI.27	5,136,270	13,030,000
12 Chi phí khác	32	VI.28	-	-
13 Lợi nhuận khác	40		5,136,270	13,030,000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		146,347,494	102,147,312
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	18,541,049	19,832,409
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127,806,445	82,314,903
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

Hạt
Lê Thị Lan

Kế toán trưởng

Vhml
Vũ Thị Ninh

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 20



Giam đốc

Lê Thế Sơn
Lê Thế Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	71 266 187 532	74 324 384 789
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-40 655 614 382	-68 280 781 874
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-2 888 645 734	-1 990 277 090
4. Tiền chi trả lãi vay	04	- 804 223 627	-1 104 943 665
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		- 50 000 000
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	214 326 424	744 392 707
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-6 239 000 398	-2 542 999 692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20 893 029 815	1 099 775 175
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		- 214 979 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3 127 622 055
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1 642 429 023	7 693 076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1 642 429 023	2 920 336 131
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35 070 000 000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-25 749 500 000	-36 673 123 200
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-25 749 500 000	-1 603 123 200
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	-3 214 041 162	2 416 988 100
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4 959 371 808	2 542 383 700
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1 745 330 646	4 959 371 808

Người lập biểu

Lê Thị Lan

Kế toán trưởng

Vũ Thị Ninh

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2017

Giám đốc Công ty

Lê Thế Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

I. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Thanh Hóa là một doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (Công ty TNHH một thành viên Sách và thiết bị trường học Thanh Hoá) theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập; hoạt động SXKD theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800230817 ngày 29/05/2009 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá (từ khi thành lập đến nay Công ty đã có 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 11/11/2009), hoạt động theo luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính

- * Địa chỉ: Số 51 Đại lộ Lê Lợi, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
- * Điện thoại: (84) 037.3852335
- * Fax: (84) 037.3752035

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh sách giáo khoa, sách tham khảo nâng cao và các xuất bản ấn phẩm được phép lưu hành (trừ các loại sách và ấn phẩm nhà nước cấm) (mã ngành 46497)
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (trừ các loại nhà nước cấm), thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phụ vụ sản xuất thiết bị giáo dục (mã ngành 464 465);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học, thiết bị văn phòng (mã ngành 465);
- Đào tạo và liên kết đào tạo (mã ngành 85322);
- Thi công xây dựng công trình dân dụng (mã ngành 410);
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường bộ (mã ngành 4932);
- Đại lý ký gửi hàng hóa (mã ngành 46101);
- Kinh doanh, xuất - nhập khẩu các loại sản phẩm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Công ty
- Kinh doanh, xuất - nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và qui định sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo quy định tại tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận vào khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính V/v: Thực hiện chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận vào khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Số 51 Dệt
Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tài, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Công cụ dụng cụ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chi cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các doanh nghiệp phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán:

	Cuối năm	Đầu năm
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1,428,882,550	3,213,309,515
- Tiền gửi ngân hàng	316,448,096	1,746,062,293
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1,745,330,646	4,959,371,808
2. Đầu tư ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Cho cá nhân vay		873,923,545
- Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	1,011,327,515	1,773,454,352
- Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	(683,241,515)	(853,343,955)
Cộng	328,086,000	1,794,033,942
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu khác	1,155,448,842	433,171,170
Trong đó:		
- Thu hồi vỡ viết	1,227,250	
- Công ty Tramexco Thanh Hóa	1,000,000	1,000,000
- Cổ tức, lãi dự thu	144,395,375	110,516,500
- Phải thu khác	1,008,826,217	320,427,410
Cộng	1,155,448,842	433,171,170
4. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường		
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	107,590,901	417,008,000
- Công cụ, dụng cụ trong kho		
- Chi phí sản xuất kinh Doanh dở dang		
- Thành phẩm tồn kho		

- Hàng hóa tồn kho	1,174,542,141	2,776,862,446
- Hàng gửi đi bán	839,174,862	736,507,925
- Hàng hoá kho bảo thuế		
- Hàng hoá bất động sản		
Cộng	2,121,307,904	3,930,378,452

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho đúng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:
 - Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:
 - Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cuối năm	Đầu năm
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
- Thuế GTGT đầu ra		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		20,415,764
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	107,423	107,423
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		
- Các khoản khác phải thu nhà nước		
Cộng	107,423	20,523,187

	Cuối năm	Đầu năm
6. Phải thu dài hạn nội bộ		
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng		

	Cuối năm	Đầu năm
7. Phải thu dài hạn khác		
- Ký quỹ ký cược dài hạn	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng		

8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ HH					
1. Số dư đầu năm	7,447,157,697	38,320,000	806,078,706	268,527,273	8,560,083,676
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	7,447,157,697	38,320,000	806,078,706	268,527,273	8,560,083,676
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	1,858,671,883	38,320,000	162,680,133	92,669,697	2,152,341,713
2. Số tăng trong năm	314,754,076	-	49,753,204	45,129,697	409,636,977
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	2,173,425,959	38,320,000	212,433,337	137,799,394	2,561,978,680
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	5,588,485,814	-	643,398,573	175,857,576	6,407,741,963
2. Tại ngày cuối năm	5,273,731,738	-	593,645,369	130,727,879	5,998,104,986

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Hệ thống quản lý chất lượng	Bảng quyền bằng sáng chế	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ HH					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ Doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh Doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	-	-	-	-
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

	Cuối năm	Đầu năm
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Cộng	-	-

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư				
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
12. Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu	-	-	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Lợi thế kinh doanh
- Chi phí trả trước dài hạn khác

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	236,870,726	311,898,383
	2,438,439,065	2,854,779,065
	2,675,309,791	3,166,677,448

14. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn:

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- Cn Thanh Hoá
- Vay Ngân hàng Quốc tế - CN Thanh Hoá
- Vay Công ty CP Sách GD Hà Nội
- Vay NH DT và Phát triển Chi nhánh Lam Sơn

Vay dài hạn:

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- Cn Thanh Hoá

Cộng vay dài hạn và ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	10,200,000,000	9,930,000,000
	3,500,000,000	8,110,000,000
	-	1,300,000,000
	-	520,000,000
	6,700,000,000	
	1,500,000,000	4,250,000,000
	1,500,000,000	4,250,000,000
	11,700,000,000	14,180,000,000

15 Phải trả người bán

Phải trả các đối tượng

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	13,921,969,922	17,227,220,171
	13,921,969,922	17,227,220,171

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế GTGT
- Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập Doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài Nguyên
- Thuế khác

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	3,780,405	81,136,612
	-	-
	-	-
	9,718,904	
	-	-
	3,447,942	
	16,947,251	81,136,612

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả

- Trích trước tiền lương trong thời gian nghỉ phép
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
- Chi phí Phát hành
- Lãi vay phải trả

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	193,251,565	16,386,806
	17,910,833	229,698,165
	211,162,398	246,084,971

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ xử lý
- Kinh phí Công đoàn
- Phải trả về CP hoá
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Các khoản phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
		579,007
	77,899,794	47,812,874
	2,723,350,709	2,723,350,709
	-	-
	-	-
	23,000,000	23,000,000
	43,686,729	50,101,281

	2,867,937,232	2,844,843,871
Cộng	Cuối năm	Đầu năm
19. Phải trả dài hạn nội bộ		
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng	Cuối năm	Đầu năm
20. Phải trả người bán dài hạn		
Cộng	Cuối năm	Đầu năm

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Vốn đầu năm	10,500,000,000	34,863,526	21,823,815		507,032,113	-	11,063,719,454
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	127,806,445	-	127,806,445
Tăng khác	-	-	-	-	37,656,707	-	37,656,707
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	68,648,000	-	-	68,648,000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2014	10,500,000,000	34,863,526	21,823,815	(68,648,000)	672,495,265	-	11,160,534,606

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam		-
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	68,648,000	44,300,000
Vốn góp của các đối tượng khác	10,431,352,000	10,455,700,000
- Do pháp nhân nắm giữ		
- Do thể nhân nắm giữ		
Cộng	10,500,000,000	10,500,000,000

c) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phát hành	1,050,000	1,050,000
- Cổ phiếu thường	1,050,000	1,050,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,050,000	1,050,000
- Cổ phiếu thường	1,050,000	1,050,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d) Các quỹ khác của công ty

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	21,823,815	21,823,815
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	34,863,526	34,863,526

e) Lợi nhuận chưa phân phối
 Lợi nhuận năm trước chuyển sang
 Lợi nhuận sau thuế TNDN

Tăng khác
 Phân phối lợi nhuận năm trước
 - Bổ đắp quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi
 - Truy thu thuế đất phải nộp năm 2012

Cộng

Cuối năm
 507,032,113
 127,806,445
 37,656,707

Đầu năm
 424,717,210
 82,314,903

672,495,265

507,032,113

22. Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí sự nghiệp được cấp trong năm
 - Chi sự nghiệp
 - Nguồn kinh phí còn lại cuối năm

Năm nay

Năm trước

-
 -
 -

-
 -
 -

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu
 + Doanh thu bán sách và thiết bị trường học
 + Doanh thu khác
 Các khoản giảm trừ doanh thu
 + Chiết khấu thương mại
 + Hàng bán bị trả lại

Năm nay

Năm trước

67,508,099,140
 66,978,968,545
 529,130,595
 563,345,707
 518,231,828
 45,113,879
 66,944,753,433

78,314,285,580
 77,849,928,992
 464,356,588
 603,723,250
 497,236,894
 106,486,356
 77,710,562,330

Cộng

24. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
 Cổ tức, lợi nhuận được chia
 Doanh thu hoa hồng giao dịch chứng khoán
 Doanh thu bán chứng khoán

Năm nay

Năm trước

65,783,915
 62,070,000
 26,440,639
 1,584,868,532
 1,739,163,086

140,016,024
 12,000,000
 69,185,365
 221,201,389

Cộng

25. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn bán sách thiết bị và trường học
 - Giá vốn hàng khác

Năm nay

Năm trước

59,625,168,413
 511,002,614
 60,136,171,027

70,756,958,722
 100,219,973
 70,857,178,695

Cộng

26. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay
 - Chiết khấu Thanh toán tiền trả chậm
 - Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư
 - Lỗ do bán cổ phiếu
 - Giá vốn bán chứng khoán

Năm nay

Năm trước

808,542,573
 60,799,695
 (170,102,440)
 -
 1,743,097,838
 2,442,337,666

1,202,436,464
 -
 -
 -
 1,202,436,464

Cộng

27. Thu nhập khác

- Thu nhập cho thuê văn phòng
 - Thu phí phát hành sách
 - Hàng thừa kiểm kê siêu thị

Năm nay

Năm trước

-
 -
 5,136,270
 5,136,270

13,030,000
 -
 -
 13,030,000

Cộng

28. Chi phí khác

Năm nay

Năm trước